SỞ Y TẾ BẠC LIÊU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRUNG TÂM Y TẾ HÒA BÌNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 60/BC-TTYT *Hòa Bình, ngày 29 tháng 10 năm 2019*

**BÁO CÁO**

**Tự kiểm tra, đánh giá chất lượng Trung tâm Y tế năm 2019**

Bệnh viện: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÒA BÌNH

Địa chỉ chi tiết: Quốc lộ 1A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa, tỉnh Bạc Liêu

Số giấy phép hoạt động: 02-BVĐK/SYT-GPHĐ Ngày cấp: 17/4/2014

Tuyến trực thuộc: Quận/Huyện

Cơ quan chủ quan: Sở Y tế Bạc Liêu

Hạng Bệnh viện: Hạng III

Loại Bệnh viện: Đa khoa

**I. TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN:**

1. Tổng số các tiêu chí được áp dụng đánh giá: 82/83 tiêu chí

2. Tỷ lệ tiêu chí áp dụng so với 83 tiêu chí: 100%

3. Tổng số điểm của các tiêu chí áp dụng: 268

4. Điểm trung bình chung của các tiêu chí: 3.24

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả chung chia theo mức** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Mức 5** | **Tổng số****tiêu chí** |
| 5. Số lượng tiêu chí đạt | 0 | 8 | 45 | 28 | 1 | 82 |
| 6. % tiêu chí đạt | 00 | 9.76 | 54.88 | 34.15 | 1.22 | 82 |

**II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kết quả chung chia theo mức** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Mức 5** | **ĐTB** | **Số tiêu chí áp dụng** |
| PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19) | 0 | 0 | 11 | 6 | 1 | 3.44 | 18 |
| A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6) | 0 | 0 | 5 | 0 | 1 | 3.33 | 6 |
| A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5) | 0 | 0 | 3 | 2 | 0 | 3.40 | 5 |
| A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2) | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 3.50 | 2 |
| A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6) | 0 | 0 | 2 | 3 | 0 | 3.60 | 5 |
| PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14) | 0 | 0 | 8 | 6 | 0 | 3.43 | 14 |
| B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3) | 0 | 0 | 3 | 0 | 0 | 3.00 | 3 |
| B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3) | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 3.67 | 3 |
| B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4) | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | 3.50 | 4 |
| B4. Lãnh đạo bệnh viện (4) | 0 | 0 | 2 | 2 | 0 | 3.50 | 4 |
| PHẦN C: HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35) | 0 | 6 | 21 | 8 | 0 | 3.06 | 35 |
| C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2) | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2.00 | 2 |
| C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2) | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 3.50 | 2 |
| C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x 2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6) | 0 | 1 | 3 | 2 | 0 | 3.17 | 6 |
| C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2) | 0 | 1 | 4 | 0 | 0 | 2.80 | 5 |
| C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3) | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 3.67 | 3 |
| C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5) | 0 | 2 | 2 | 1 | 0 | 2.80 | 5 |
| C8. Chất lượng xét nghiệm (2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6) | 0 | 0 | 4 | 2 | 0 | 3.33 | 6 |
| C10. Ngiên cứu khoa học (2) | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 3.00 | 2 |
| PHẦN D: HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11) | 0 | 0 | 4 | 7 | 0 | 3.64 | 11 |
| D1. Thiết lập hệ thống và xây dựng, triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng (3) | 0 | 0 | 1 | 2 | 0 | 3.67 | 3 |
| D2. Phòng ngừa các sai sót, sự cố và cách khắc phục (5)  | 0 | 0 | 1 | 4 | 0 | 3.80 | 5 |
| D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (4) | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 3.33 | 3 |
| PHẦN E: TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA | 0 | 2 | 1 | 1 | 0 | 2.75 | 4 |
| E. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4) | 0 | 2 | 0 | 1 | 0 | 2.76 | 3 |

**III. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC TIÊU CHÍ ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN:**

- A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh chu đá,o kịp thời.

- A4. Bảo đảo quyền và lợi ích của người bệnh.

- B. Phát triển nguồn nhân lực Trung tâm: được quan tâm đầu tư.

- C. Hoạt động chuyên môn: được quan tâm phát triển, cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

- C9. Hoạt động dược: thực hiện đấu thầu và cung ứng thuốc đạt chất lượng, đủ chủng loại, kịp thời, bảo quản và cấp phát thuốc an toàn.

- E. Tiêu chí sản nhi: có phát triển trong chăm sóc trẻ sơ sinh.

**IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI:**

- C1. An ninh trật tự chưa ổn định do hạng mục hàng rào chưa xây xong.

- C4. Kiểm soát nhiễm khuẩn chưa có hệ thống xử lý chất thải lỏng.

- C7. Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng chưa đạt yêu cầu.

- C8. Chất lượng xét nghiệm chưa cao.

- Cải tiến chất lượng bệnh viện mới đi vào hoạt động, chưa có nề nếp, chưa đạt hiệu quả cao.

**V. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG:**

- Hoàn chỉnh cơ cấu hệ thống quản lý chất lượng.

- Đưa cán bộ đi đào tạo QLCL bệnh viện.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá, đo lường cải tiến chất lượng.

- Môi trường Trung tâm Y tế và kiểm soát nhiễm khuẩn nhất là xử lý chất thải.

**VI. GIẢI PHÁP LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG:**

- Năm 2019: Tự đánh giá chất lượng bệnh viện, qua đó áp dụng các cải tiến phù hợp để nâng cao chất lượng KCB.

- Sau 2019: Đăng ký với tổ chức kiểm định độc lập và công bố chất lượng bệnh viện.

**VII. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA TT CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG:**

Phấn đấu theo bộ tiêu chí về chất lượng bệnh viện của Bộ Y tế.

***Nơi nhận:* GIÁM ĐỐC**

- Các khoa, phòng;

- Lưu: P. KH-NV.